

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất
năm 2023 huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội khóa 15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện, chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Giang: số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023, số 29/NQ-HĐND tỉnh ngày 14/7/2023;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 251/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; số 381/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Ngạn;

Theo đề nghị của: UBND huyện Lục Ngạn tại Tờ trình số số 942/TTr-UBND ngày 19/9/2023; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 650/TTr-STNMT ngày 16/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Ngạn theo các Phụ lục kèm theo Quyết định này, gồm: Phụ lục 01. Bổ sung diện tích thu hồi đất; Phụ lục 02. Điều chỉnh, bổ sung diện tích chuyên mục đích sử dụng đất; Phụ lục 03. Danh mục các công trình, dự án bổ sung trong Kế hoạch năm 2023 huyện Lục Ngạn.

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng được xác định theo bản đồ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Ngạn, tỷ lệ 1/25.000.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác, kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo phù hợp quy định pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

b) Cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung được phê duyệt tại Quyết định này vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Ngạn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 12/4/2023; hoàn thành việc đăng tải toàn bộ hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Ngạn đã được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử của Sở trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định này;

c) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện Lục Ngạn đảm bảo nguyên tắc kịp thời, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện Lục Ngạn theo quy định.

2. UBND huyện Lục Ngạn:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Ngạn;

b) Cập nhật các nội dung điều chỉnh, bổ sung được phê duyệt tại Quyết định này vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Ngạn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 12/4/2023; hoàn thành việc đăng tải toàn bộ hồ sơ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Ngạn đã được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử của huyện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định này, đồng thời tổ chức công bố, công khai nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Ngạn theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện quản lý đất, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

d) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND cấp xã;

e) Định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lục Ngạn; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (lưu hồ sơ);
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Lục Ngạn;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Trung tâm thông tin (đăng tải);
- Lưu: VT, TN.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

Phụ lục 02: Điều chỉnh, bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Ngạn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng cộng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)														
				TT Chủ	Xã Đèo Gia	Xã Tân Mộc	Xã Tân Lập	Xã Quý Sơn	Xã Trù Hựu	Xã Thanh Hải	Xã Giáp Sơn	xã Hồng Giang	Xã Kiên Lao	Xã Kiên Thành	Xã Mỹ An	Xã Nam Dương	Xã Phụng Sơn	Xã Biền Động
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(33)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	61,973	0,540		20,018	0,165	0,060			0,020	0,010		0,020	6,000	10,850	22,200	
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1,073	0,410		0,018	0,085	0,010			0,010	0,010		0,010				
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	1,073	0,410		0,018	0,085	0,010			0,010	0,010		0,010				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,120			0,010								0,010			0,100	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	2,230	0,130		0,070					0,010					1,350	0,100	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN																
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN																
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	58,550		20,000		0,050								6,000	9,500	22,000	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN																
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN																
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN																
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		2,000														2,000	

Phụ lục 03: Danh mục công trình, dự án bổ sung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lục Ngạn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Công trình, dự án cần thu hồi đất

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Hiện trạng	Tăng thêm			Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ ĐCKH 2023	STT trên bản đồ ĐCQH 2030	
					Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất		Tên văn bản	Vị trí, STT				
						Đất lúa (ha)	Đất RPH, RDD (ha)						Đất khác (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Cụm Công nghiệp Phụng Sơn, huyện Lục Ngạn	SKN	Phụng Sơn		65,000	52,000		13,000	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 01; STT 10	Bổ sung mới	BS-02	48
2	Dự án quản lý an toàn đập, hồ chứa nước gồm các hồ Cẩm Sơn, Khuôn Thần, Suối Nứa, đập dâng Cầu Sơn	DTL	Cẩm Sơn, Tân Sơn, Sơn Hải, Hộ Đáp, Kiên Lao		0,200			0,200	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 02; STT 48	Bổ sung mới	BS-03	394
3	Mở rộng trụ sở UBND xã Sa Lý, huyện Lục Ngạn	TSC	Sa Lý		0,500	0,500			Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 02; STT 49	Bổ sung mới	BS-04	57
4	Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Kiên Thành, Tân Sơn, Quý Sơn, Giáp Sơn, Hồng Giang, Tân Mộc, Tân Lập và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn năm 2023-2024	DNL	Kiên Thành, Tân Sơn, Quý Sơn, Giáp Sơn, Hồng Giang, Tân Mộc, Tân Lập, Chũ		0,118	0,098		0,020	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 02; STT 50	Bổ sung mới	BS-05	245

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Hiện trạng	Tăng thêm			Cơ sở pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ ĐCKH 2023	STT trên bản đồ ĐCQH 2030	
					Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất		Tên văn bản	Vị trí, STT				
						Đất lúa (ha)	Đất RPH, RDD (ha)						Đất khác (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
5	Nhà điều hành sản xuất Điện lực Lục Ngạn	TMD	TT Chũ		0,400	0,400			Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 02; STT 51	Bổ sung mới	BS-06	68
6	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện 35kV huyện Sơn Động, Lục Ngạn theo phương án Đa chia - Đa nối (MDMC)	DNL	Tân Lập		0,075	0,065		0,010	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 02; STT 52	Bổ sung mới	BS-07	271
7	Trung tâm liên hợp thể thao huyện Lục Ngạn (giai đoạn 1)	DTT	TT Chũ		2,500	2,000		0,500	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 02; STT 18	Bổ sung mới	BS-19	196
8	Xây dựng Nhà tang lễ huyện Lục Ngạn	NTD	TT Chũ		0,200			0,200	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 02; STT 19	Bổ sung mới	BS-20	146
9	Cải tạo, nâng cấp Cầu Suối Bông, xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn	DGT	TT Chũ, Thanh Hải		0,300			0,300	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 02; STT 20	Bổ sung mới	BS-21	369
10	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt khu vực, lưu vực thị trấn Chũ (giai đoạn 1)	DTL	TT Chũ		1,200			1,200	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 02; STT 21	Bổ sung mới	BS-22	383

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Hiện trạng	Tăng thêm			Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Vị trí trên bản đồ ĐCKH 2023	STT trên bản đồ ĐCQH 2030	
					Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất		Tên văn bản	Vị trí, STT				
						Đất lúa (ha)	Đất RPH, RĐD (ha)						Đất khác (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
11	Xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Lục Ngạn	DTS	TT Chũ		0,200	0,100		0,100	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 02; STT 22	Bổ sung mới	BS-23	64
12	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện huyện Lục Nam - Lục Ngạn theo phương án Đa chia - Đa nối (MDMC)	DNL	Tân Mộc, Quý Sơn		0,050	0,030		0,020	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 02; STT 23	Bổ sung mới	BS-24	271
13	Đường hầm cơ quan Cục Chính trị/Sở chỉ huy cơ bản Quân đoàn 2	CQP	Sơn Hải		1,550			1,550	Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 1275/QĐ-TM ngày 20/5/2023 của Bộ Tổng tham mưu - Quân đội nhân dân Việt Nam		Bổ sung mới	BS-25	4
	Tổng cộng				72,293	55,193	0,00	17,100					

2. Công trình, dự án chuyên mục đích sử dụng đất

STT	Danh mục dự án	Mã loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Hiện trạng	Tăng thêm			Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Số thứ tự trên bản đồ ĐCKH 2023	STT trên bản đồ ĐCQH 2030	
					Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất			Tên văn bản				Vị trí, STT
						Đất lúa (ha)	Đất RPH, RĐĐ (ha)	Đất khác (ha)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Mở rộng trụ sở UBND xã Sa Lý, huyện Lục Ngạn	TSC	Sa Lý		0,500	0,500			Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 03; STT 18	Bổ sung mới	BS-04	57
2	Xây dựng và cải tạo lưới điện các xã Kiên Thành, Tân Sơn, Quý Sơn, Giáp Sơn, Hồng Giang, Tân Mộc, Tân Lập và thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn năm 2023-2024	DNL	Kiên Thành, Tân Sơn, Quý Sơn, Giáp Sơn, Hồng Giang, Tân Mộc, Tân Lập, TT Chũ		0,118	0,098		0,020	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 03; STT 19	Bổ sung mới	BS-05	245
3	Nhà điều hành sản xuất Điện lực Lục Ngạn	TMD	TT Chũ		0,400	0,400			Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 03; STT 20	Bổ sung mới	BS-06	68
4	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện 35kV huyện Sơn Động, Lục Ngạn theo phương án Đa chia - Đa nối (MDMC)	DNL	Tân Lập		0,075	0,065		0,010	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh	Biểu 03; STT 21	Bổ sung mới	BS-07	271
5	Chuyển mục đích đất trụ sở (UBND TT Chũ cũ, Kho bạc) sang đất ở	ODT	TT Chũ		0,300			0,300	Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh		Bổ sung mới	BS-08	482

STT	Danh mục dự án	Mã loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Hiện trạng	Tăng thêm			Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Số thứ tự trên bản đồ ĐCKH 2023	STT trên bản đồ ĐCQH 2030		
					Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất			Tên văn bản				Vị trí, STT	
						Đất lúa (ha)	Đất RPH, RĐD (ha)	Đất khác (ha)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	TT Chũ		0,070			0,070	Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh		Bổ sung mới	BS-09	577	
7	Khu chăn nuôi tập trung	NKH	Phượng Sơn		2,000			2,000			Bổ sung mới	BS-10	732	
8	Khai thác đất khu Đèo Muội, thuộc các thôn Hòa Mục, Ngọc Nương, Đông Mai	SKX	Mỹ An		6,000			6,000			Bổ sung mới	BS-12	686	
9	Khai thác đất khu vực thôn Biêng, xã Nam Dương	SKX	Nam Dương		7,000			7,000			Bổ sung mới	BS-13	689	
10	Khai thác đất khu Bò Lầy, thôn Phú Bông, xã Phượng Sơn	SKX	Phượng Sơn		15,000			15,000			Bổ sung mới	BS-14	695	
11	Khai thác đất khu rừng Xô, thôn Hoa Quảng	SKX	Tân Mộc		15,000			15,000			Bổ sung mới	BS-15	703	
12	Khai thác đất khu Đập Cắm thôn Tân Thành	SKX	Tân Mộc		5,000			5,000			Bổ sung mới	BS-16	704	
13	Cửa hàng xăng dầu xã Tân Lập	DNL	Tân Lập		0,070			0,070			Bổ sung mới	BS-17	265	
14	Khai thác đất tại thôn Ải, xã Phượng Sơn	SKX	Phượng Sơn		7,000			7,000			Bổ sung mới	BS-18	694	
15	Đường hầm cơ quan Cục Chính trị/Sở chỉ huy cơ bản Quân đoàn 2	CQP	Sơn Hải		1,550			1,550		Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 1275/QĐ-TM ngày 20/5/2023 của Bộ Tổng tham mưu - Quân đội nhân dân Việt Nam		Bổ sung mới	BS-25	4

STT	Danh mục dự án	Mã loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Hiện trạng	Tăng thêm			Căn cứ pháp lý		Ghi chú	Số thứ tự trên bản đồ ĐCKH 2023	STT trên bản đồ ĐCQH 2030	
					Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào loại đất			Tên văn bản				Vị trí, STT
						Đất lúa (ha)	Đất RPH, RĐĐ (ha)	Đất khác (ha)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (7)+(8)+(9)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
16	Khu chế biến lâm sản xã Phụng Sơn	SKC	Phụng Sơn		0,200			0,200	Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của UBND tỉnh		Bổ sung mới	BS-26	641
17	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân	ODT, ONT	Huyện Lục Ngạn		0,290	0,010		0,280			Bổ sung mới	BS-27	574
18	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	Nam Dương		3,700			3,700			Bổ sung mới	BS-28	629
	Tổng cộng				64,273	1,073	0,00	63,200					